

Bản án số: 76/2026/HNGĐ - ST Ngày: 25-5-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Nguyễn Yên Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2026/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1978; CCCD: 040178019579

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Công T1, sinh năm 1979; CCCD: 040079024696

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2026 , bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Công T1 tự nguyện yêu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An ngày 18/8/2003. Sau khi kết hôn thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng do có con nên chị đã cố gắng chịu đựng. Đến tháng 1 năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, nuôi con và trong làm ăn kinh

tế gia đình, anh T1 cũng không quan tâm chăm sóc chị. Chị T thấy hiện nay không còn tình cảm gì với anh T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Trần Công T1.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Trần Công A, sinh ngày 09/11/2003 và Trần Công T2, sinh ngày 21/11/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Công T2 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Trần Công A đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là quyền của con quyết định.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Công T1 trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Đào Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An ngày 18/8/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh mong muốn đoàn tụ, trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh đúng như chị T đã khai; nếu ly hôn, con đã lớn ở với ai thì tùy con quyết định; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản: Anh T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 18/4/2026, cháu Trần Công T2 trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Đào Thị T.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Chị Đào Thị T và anh Trần Công T1 có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã Q, huyện Q nay là xã Q, đúng quy định pháp luật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Theo kiểm tra dữ liệu thì thấy chị T và anh T1 có 02 con chung Trần Công A, sinh ngày 09/11/2003 và Trần Công T2, sinh ngày 21/11/2009. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Trần Công T1; về con chung: Giao con chung Trần Công T2, sinh ngày

21/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 vì chị T không yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Công T1, đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Anh Trần Công T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Trần Công T1 có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về căn cứ ly hôn: Quá trình chung sống, theo chị T do vợ chồng không hợp nhau không có tiếng nói chung, anh T1 không quan tâm, chăm sóc chị; còn anh T1 không trình bày gì nhưng cho rằng không muốn liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị T; cho thấy anh T1 cũng không tha thiết muốn đoàn tụ vợ chồng, không có ý hàn gắn tình cảm giữa chị T và anh T1. Chị T cương quyết ly hôn, anh T1 cũng không khuyên bàn chị T tiếp tục chung sống mà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Trần Công T1 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[2.3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Trần Công A, sinh ngày 09/11/2003 và Trần Công T2, sinh ngày 21/11/2009. Hiện tại cháu Trần Công A đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu. Đối với cháu T2 có nguyện vọng xin được ở với mẹ, chị T cũng xin được nuôi cháu. Vì vậy cần giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5] Về tài sản: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Trần Công T1.

2.2. Về con chung: Giao con chung Trần Công T2, sinh ngày 21/11/2009 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 vì chị T không yêu cầu.

Anh Trần Công T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản: Chị Đào Thị T và anh Trần Công T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0002162 ngày 31/3/2026.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Phú (xã
Quỳnh Thuận cũ nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Hà